

ASSESSMENT OF THE DEMAND FOR USING TRADITIONAL MEDICINE IN THE TREATMENT OF NECK PAIN AMONG STUDENTS OF HUE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Pham Le Bao Han¹, Nguyen Thi Hien¹, Dang Dinh Kien¹, Phan Thi Men¹, Nguyen Thao Phuong¹,
Vo Thi Thanh Tan¹, Nguyen Van Hung¹

¹Hue University of Medicine and Pharmacy, Hue University - 06 Ngo Quyen, Thuan Hoa ward, Hue city, Vietnam

Received: 01/10/2025

Revised: 03/10/2025; Accepted: 17/11/2025

ABSTRACT

Objectives: To examine certain characteristics of neck pain among students and assess the demand for using traditional medicine to treat neck pain in students at the University of Medicine and Pharmacy, Hue University.

Materials and Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 400 full-time students from all majors at the University of Medicine and Pharmacy, Hue University. Students were instructed to complete a structured questionnaire.

Results: Among the students who participated in the study, approximately 90.6% reported experiencing symptoms of neck and shoulder pain, stiffness, or numbness. Based on the Neck Disability Index (NDI), the prevalence of neck disability was 8.4%, while 91.6% showed no disability. In addition, 31.2% of students expressed a strong desire to receive traditional medicine interventions for the management of neck pain.

Conclusions: The demand for using traditional medicine in the treatment of neck pain is increasing, reflecting a trend toward treatment options that not only alleviate pain but also restore function and improve quality of life.

Keywords: neck pain, traditional medicine, usage demand, characteristics of neck pain, treatment of neck pain.

*Corresponding author

Email: nvhung.yhct@hueuni.edu.vn Phone: (+84) 389936043 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3837>

ĐÁNH GIÁ NHU CẦU SỬ DỤNG Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐIỀU TRỊ ĐAU VÙNG CỔ GÁY Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ

Phạm Lê Bảo Hân¹, Nguyễn Thị Hiền¹, Đặng Đình Kiên¹, Phan Thị Mến¹, Nguyễn Thảo Phương¹,
Võ Thị Thanh Tân¹, Nguyễn Văn Hưng^{1*}

¹Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế - 06 Ngô Quyền, phường Thuận Hoá, thành phố Huế, Việt Nam

Ngày nhận bài: 01/10/2025

Ngày phản biện: 03/10/2025; Ngày duyệt đăng: 17/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát một số đặc điểm đau vùng cổ gáy ở sinh viên và đánh giá nhu cầu sử dụng Y học cổ truyền điều trị đau vùng cổ gáy ở sinh viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 400 sinh viên hệ chính quy tất cả các ngành Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Sinh viên được hướng dẫn và điền vào bộ câu hỏi soạn sẵn.

Kết quả: Trong số sinh viên tham gia nghiên cứu có khoảng 90,6% đã hoặc đang xuất hiện các triệu chứng đau, nặng mỏi, tê vùng cổ gáy. Đánh giá chỉ số khuyết tật cổ (Neck disability index - NDI) có khuyết tật chiếm 8,4%; không khuyết tật chiếm 91,6%. Trong đó 31,2% các sinh viên rất mong muốn điều trị đau cổ gáy bằng y học cổ truyền.

Kết luận: Nhu cầu sử dụng Y học cổ truyền trong điều trị đau vùng cổ gáy ngày càng tăng cao, phản ánh xu hướng lựa chọn các phương pháp điều trị không chỉ để giảm đau mà còn để phục hồi chức năng, cải thiện chất lượng cuộc sống.

Từ khóa: đau vùng cổ gáy, phương pháp y học cổ truyền, nhu cầu sử dụng, đặc điểm đau vùng cổ gáy, điều trị đau vùng cổ gáy.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đau vùng cổ gáy là bệnh lý khá phổ biến, gặp ở nhiều lứa tuổi và liên quan đến các ngành nghề công việc khác nhau. Đau vùng cổ gáy là một dạng đau cơ xương khớp tập trung ở vùng cổ, vai và gáy, thường xảy ra do các nguyên nhân cơ học, gây mệt mỏi khó chịu, làm ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như khả năng làm việc của nhiều người [1]. Theo thống kê, đau vai gáy không chỉ xảy ra ở người lớn tuổi mà còn có xu hướng gia tăng ở người trẻ do lối sống hiện đại, làm việc ít vận động và ngồi lâu trước máy tính [2]. Với sự phát triển của xã hội, áp lực công việc và cuộc sống ngày càng lớn dẫn đến thói quen sinh hoạt không khoa học như tư thế sai khi ngồi làm việc, ngủ nghỉ không đúng cách hoặc lạm dụng thiết bị điện tử. Những yếu tố này đã góp phần làm tăng nguy cơ mắc các vấn đề về đau vai gáy [2], [3].

Các phương pháp Y học cổ truyền (YHCT) như châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt và sử dụng thảo dược đã được chứng minh có hiệu quả trong việc giảm đau và cải thiện chức năng cổ gáy [1], [4], [5]. Việc hiểu rõ nhu cầu, thái độ và mức độ hài lòng của người bệnh đối với Y học cổ truyền sẽ giúp đưa ra các giải pháp tối ưu trong việc kết hợp giữa Y học cổ truyền và Y học hiện đại, từ đó nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Nhằm mục đích khảo sát một số đặc điểm đau vùng cổ vai gáy ở sinh viên và đánh giá nhu cầu sử dụng Y học cổ truyền điều trị đau vùng cổ vai gáy để nâng cao vai trò của Y học cổ truyền ở sinh viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế nói riêng và người dân nói chung, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Đánh giá nhu cầu sử dụng Y học cổ truyền để điều trị đau vùng cổ gáy ở sinh viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế” với hai mục tiêu sau:

*Tác giả liên hệ

Email: nvhung.yhct@hueuni.edu.vn Điện thoại: (+84) 389936043 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3837>

1. Khảo sát một số đặc điểm của sinh viên đau vùng cổ gáy ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.
2. Đánh giá nhu cầu sử dụng Y học cổ truyền để điều trị đau vùng cổ gáy ở sinh viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Thời gian nghiên cứu từ tháng 11/2024 đến tháng 10/2025.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

- *Tiêu chuẩn lựa chọn*: Sinh viên (SV) hệ chính quy tất cả các ngành Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Sinh viên từ năm 1 đến năm 5 đối với hệ 6 năm, năm 1 tới năm 4 đối với ngành Dược học, năm 1 tới năm 3 đối với hệ 4 năm. Sinh viên tự nguyện tham gia nghiên cứu.

- *Tiêu chuẩn loại trừ*: Sinh viên năm cuối hệ chính quy tất cả các ngành Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu và trả lời không đầy đủ các câu hỏi trong phiếu nghiên cứu. Sinh viên vắng mặt trong thời gian lấy số liệu.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

- Cỡ mẫu:

Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ trong quần thể, ta có:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{[p \times (1-p)]}{d^2} \quad [6]$$

n: Cỡ mẫu tối thiểu cần thiết của nghiên cứu.

a: Mức ý nghĩa thống kê, chọn $\alpha = 0,05$ thì $Z(0,975) = 1,96$

p: 0,6175 (theo nghiên cứu tỷ lệ mắc hội chứng đau cổ vai gáy của sinh viên khoa kỹ thuật phục hồi chức năng tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng) [7].

d: Khoảng sai lệch mong muốn giữa tỷ lệ thu được từ mẫu và tỷ lệ của quần thể. Nghiên cứu này chọn $d = 0,05$.

Thay vào công thức, ta được cỡ mẫu tối thiểu là $n = 363$ đối tượng, lấy thêm 10% cho trường hợp mất mẫu, đối tượng di tản sai thông tin, ta có $n = 400$. Trên thực tế, chúng tôi khảo sát 414 sinh viên.

- Chọn mẫu:

Chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng.

Bước 1: Lập danh sách toàn bộ sinh viên các khối Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.

Bước 2: Tại mỗi khối, chọn ngẫu nhiên số lượng sinh viên theo công thức [6].

$$n_i = n \times \frac{N_i}{N}$$

Trong đó:

n_i : số lượng SV khối i cần khảo sát.

n : số lượng SV toàn trường cần khảo sát.

N_i : số lượng SV khối i .

N : số lượng SV toàn trường.

Bước 3: Tại mỗi khối, chọn ngẫu nhiên 2 lớp. Ở mỗi lớp chọn ngẫu nhiên các sinh viên đủ số lượng cần khảo sát của khối đó.

2.5. Biến số nghiên cứu

- Biến phụ thuộc: chỉ số khuyết tật cổ (Neck disability index - NDI), theo nghiên cứu của Saddam F Kanaan (2022) sinh viên có điểm NDI cao hơn 15 được coi là có khuyết tật cổ [8].

- Biến độc lập: đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, hoàn cảnh xuất hiện cơn đau, các phương pháp y học cổ truyền.

2.6. Quy trình thu thập số liệu

Số liệu được thu thập theo bộ câu hỏi soạn sẵn gồm các phần: thông tin chung, tình trạng đau cổ gáy, thang điểm NDI và nhu cầu điều trị bằng y học cổ truyền.

Tiến hành điều tra thử trên sinh viên nhằm kiểm tra tính logic, phù hợp của bộ câu hỏi và chỉnh sửa cho phù hợp. Sau đó sẽ phát phiếu nghiên cứu cho đối tượng được chọn sau giờ học và phiếu sẽ được thu lại sau khi đối tượng điền xong.

2.7. Công cụ xử lý và phân tích số liệu

Số liệu sau khi được thu thập được phân tích xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Biến định tính được mô tả bằng tần số, tỷ lệ %, dùng kiểm định Chi bình phương và mô hình hồi quy logictis để đánh giá mối liên quan giữa biến độc lập và biến phụ thuộc.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua và giao đề tài khoa học bởi Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế theo Quyết định số 5501/QĐ-ĐHYD ngày 25/11/2024.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của nhóm sinh viên nghiên cứu

Bảng 1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	n	%
Giới tính		
Nam	136	32,9
Nữ	278	67,1
Năm học		
Năm 1	110	26,6
Năm 2	171	41,3
Năm 3	30	7,2
Năm 5	103	24,9
Ngành học		
Y học cổ truyền	49	11,8
Y khoa	130	31,4
Răng hàm mặt	52	12,6
Y học dự phòng	16	3,9
Dược học	54	13,0
Kỹ thuật xét nghiệm y học	29	7,0
Kỹ thuật hình ảnh y học	16	3,9
Hộ sinh	11	2,7
Y tế công cộng	6	1,4
Dinh dưỡng	9	2,2

3.2. Đặc điểm lâm sàng của đau cổ gáy

Bảng 2: Tỷ lệ các triệu chứng thường gặp tại vùng cổ gáy, thang điểm NDI (n = 414)

Các triệu chứng ở vùng cổ gáy			Thang điểm NDI		
Đặc điểm	n = 414	%	Đặc điểm	n = 414	%
Đau	209	50,48	Có khuyết tật	35	8,4
Tê	74	17,87	Không khuyết tật	379	91,6
Nặng môi	251	60,62			
Không triệu chứng	39	9,4			

Nhận xét: Có khoảng 90,6% sinh viên gặp các triệu chứng đau tê nặng môi vùng cổ gáy. Trong đó nặng môi chiếm tỷ lệ cao nhất (60,62%), tiếp đến là đau (50,48%), tê chiếm tỷ lệ thấp nhất (17,87%). Đánh

giá theo thang điểm NDI thì có khuyết tật chiếm 8,4%, không khuyết tật chiếm 91,6%.

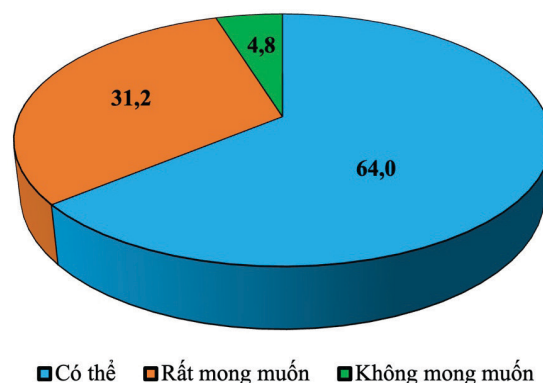
Bảng 3: Mô hình hồi quy logictis giữa các yếu tố liên quan đến khuyết tật cổ

Yếu tố		OR	KTC (95% CI)	p
Sau khi bưng vác nặng	Không	1		
	Có	2,61	1,26 – 5,38	0,010
Sau khi thay đổi thời tiết	Không	1		
	Có	2,46	1,11 – 5,44	0,027
Thay đổi tư thế đột ngột	Không	1		
	Có	1,41	0,65 – 3,05	0,390
Sử dụng máy lạnh điều hòa	Không	1		
	Có	2,31	0,78 – 6,84	0,132

Nhận xét: Nhóm có bưng vác nặng có khả năng có khuyết tật cao gấp 2,61 lần so với nhóm không có bưng vác nặng (95% KTC=1,26 – 5,38; p=0,010). Nhóm có tiếp xúc với sự thay đổi thời tiết có khả năng có khuyết tật cao gấp 2,46 lần so với nhóm không có tiếp xúc với sự thay đổi thời tiết (95% KTC=1,11 – 5,44; p=0,027).

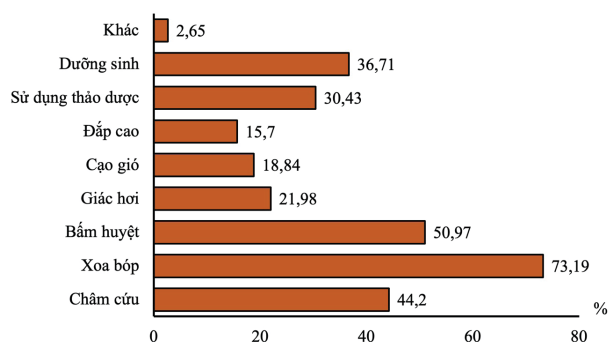
3.3. Đánh giá nhu cầu sử dụng Y học cổ truyền để điều trị đau vùng cổ gáy ở sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế

Trong mẫu nghiên cứu có 198 sinh viên đã từng sử dụng các phương pháp Y học cổ truyền để điều trị đau vùng cổ gáy và 216 sinh viên chưa từng sử dụng. Trong đó phương pháp xoa bóp được sử dụng nhiều nhất (41,06%).



Biểu đồ 1: Tỷ lệ nhu cầu sử dụng Y học cổ truyền

Nhận xét: Số SV chọn có thể sử dụng Y học cổ truyền để điều trị đau cổ gáy khá cao chiếm 64,0%, rất mong muốn chiếm 31,2% và chiếm tỷ lệ thấp nhất là không mong muốn (4,8%).



Biểu đồ 2: Tỷ lệ các phương pháp Y học cổ truyền được quan tâm (n = 414)

Nhận xét: Xoa bóp là phương pháp được quan tâm nhất (73,19%), tiếp đến là bấm huyệt (50,97%), châm cứu (44,2%), dưỡng sinh (36,71%) và sử dụng thảo dược (30,43%), các phương pháp còn lại ít được quan tâm hơn.

Yếu tố ảnh hưởng			Lo ngại về tác dụng phụ		
Đặc điểm	Số lượng	%	Đặc điểm	Số lượng	%
Hiệu quả điều trị	311	75,12	Có, rất lo ngại	33	8
Giá cả	225	54,34	Có, hơi lo ngại	210	50,7
An toàn	271	65,45	Không lo ngại	114	27,5
Độ uy tín của cơ sở điều trị	231	55,79	Không biết	56	13,5

Bảng 4: Tần số, tỷ lệ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng Y học cổ truyền và lo ngại về tác dụng phụ

Nhận xét: Sinh viên lựa chọn sử dụng Y học cổ truyền chủ yếu dựa trên hiệu quả điều trị (75,12%) và độ an toàn (65,45%), tiếp đến là uy tín cơ sở (55,79%) và giá cả (54,34%). Về lo ngại tác dụng phụ, đa số ở mức “có, hơi lo ngại” (50,7%), 27,5% không lo ngại, 8,0% rất lo ngại và 13,5% chưa có ý kiến.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm đau vùng cổ gáy ở sinh viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ sinh viên nữ chiếm ưu thế (67,1%) so với nam (32,9%). Sự khác biệt này phản ánh thực trạng chung của khối ngành khoa học sức khỏe, nơi tỷ lệ nữ giới thường cao hơn, đặc biệt ở các ngành như Điều dưỡng, Hộ sinh, Dược học. Về phân bố theo năm học, sinh viên năm 2 chiếm tỷ lệ cao nhất (41,3%), trong khi sinh viên năm 3 có tỷ lệ thấp nhất (7,2%). Điều này có thể liên quan đến sự tham gia tự nguyện cũng như thời điểm triển khai nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có đến 90,6% sinh viên báo cáo gặp các vấn đề ở vùng cổ gáy, bao gồm đau, tê, nặng và mỏi. Tỷ lệ này cao hơn đáng kể so với các nghiên cứu trước đó ở Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Linh và Trần Nhật Minh (2023) tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế ghi nhận tỷ lệ đau vai gáy ở sinh viên là 20,1% [9]. Trong khi đó, nghiên cứu của Phạm Xuân Hiệp và cộng sự (2024) tại Khoa Kỹ thuật phục hồi chức năng, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng cho thấy tỷ lệ mắc hội chứng đau cổ vai gáy là 61,75% [7]. Như vậy, tỷ lệ trong nghiên cứu của chúng tôi cao gấp gần 4,5 lần so với nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Linh và khoảng 1,5 lần so với kết quả của Phạm Xuân Hiệp. Sự khác biệt này có thể được lý giải bởi một số nguyên nhân có thể do thiết kế công cụ khảo sát của chúng tôi có phạm vi rộng hơn khi không chỉ ghi nhận tình trạng đau mà còn bao gồm các triệu chứng như tê bì, nặng, mỏi vùng cổ gáy. Việc mở rộng tiêu chí đánh giá có thể đã làm gia tăng tỷ lệ phát hiện các vấn đề.

Ngoài ra, kết quả của chúng tôi còn cho thấy có mối liên quan giữa tình trạng khuyết tật cổ với yếu tố bưng vác nặng và thay đổi thời tiết, tương đồng với nhận định trong phân tích hệ thống và tổng quan của Gao Yifang và cộng sự (2023) [2]. Theo nghiên cứu này, các yếu tố nguy cơ thường gặp của đau cổ ở sinh viên bao gồm: tư thế sai kéo dài, mang vác vật nặng, ít vận động thể chất và ảnh hưởng từ môi trường bên ngoài. Sự tương đồng này góp phần củng cố thêm độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu hiện tại, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều chỉnh thói quen học tập, sinh hoạt và nâng cao nhận

thức phòng ngừa các bệnh lý cơ xương khớp trong lứa tuổi sinh viên y khoa.

4.2. Nhu cầu sử dụng Y học cổ truyền để điều trị đau vùng cổ gáy ở sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế

Kết quả khảo sát cho thấy có 52,17% sinh viên chưa từng điều trị đau vùng cổ gáy bằng các phương pháp Y học cổ truyền (YHCT), trong khi đó 47,83% sinh viên đã từng sử dụng ít nhất một phương pháp YHCT để cải thiện triệu chứng. Trong các phương pháp được lựa chọn, xoa bóp chiếm tỷ lệ cao nhất (41,06%), các phương pháp còn lại có tỷ lệ thấp hơn đáng kể. Điều này có thể lý giải bởi đa số sinh viên trong nghiên cứu có chỉ số NDI ở mức không khuyết tật hoặc khuyết tật nhẹ, ít ảnh hưởng đến sinh hoạt thường ngày. Do đó, xoa bóp là phương pháp đơn giản, dễ thực hiện và có thể tự áp dụng, trở thành lựa chọn phổ biến hơn so với các can thiệp khác đòi hỏi phải đến cơ sở y tế.

Về nhu cầu sử dụng YHCT trong dự phòng và điều trị đau cổ gáy, có 31,2% sinh viên bày tỏ mong muốn cao, thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Linh (2023) ghi nhận tỷ lệ 40,0% [9]. Nguyên nhân của sự khác biệt này có thể do tỷ lệ sinh viên năm thứ nhất và thứ hai chiếm ưu thế, đây là nhóm chưa được tiếp cận nhiều kiến thức chuyên sâu về YHCT, do đó mức độ hiểu biết và niềm tin đối với các phương pháp điều trị còn hạn chế. Ngoài ra, yếu tố lo ngại về tác dụng phụ (trên 50% sinh viên) cùng với chi phí, cơ sở điều trị, hiệu quả và độ an toàn cũng có thể ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn YHCT của sinh viên.

Khi xem xét cụ thể các phương pháp, xoa bóp (73,19%) và bấm huyệt (50,97%) là những lựa chọn được ưu tiên hàng đầu. Đây đều là những phương pháp ít xâm lấn, dễ thực hiện, đem lại hiệu quả giảm đau nhanh chóng và được sinh viên tin tưởng. Bên cạnh đó, tỷ lệ lựa chọn dưỡng sinh (36,71%) cũng đáng chú ý. Dưỡng sinh đã được chứng minh có hiệu quả trong điều trị và dự phòng đau cổ gáy [4], đặc biệt phù hợp với lối sống ít vận động, học tập căng thẳng kéo dài của sinh viên y khoa. Kết quả này gợi ý tiềm năng tích hợp các phương pháp dưỡng sinh và

thực hành tự chăm sóc vào chương trình dự phòng nhằm nâng cao sức khỏe cơ xương khớp ở nhóm đối tượng này.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ gặp các vấn đề ở vùng cổ gáy của sinh viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế là 90,6%, chủ yếu là biểu hiện nặng mỏi, phần lớn sinh viên thuộc nhóm không khuyết tật, ít ảnh hưởng đến sinh hoạt. Có mối liên quan giữa bưng vác nặng và thay đổi thời tiết với khuyết tật cổ. Nhu cầu sử dụng các phương pháp Y học cổ truyền tương đối cao, đa số sinh viên quan tâm nhiều nhất đến các phương pháp không dùng thuốc như xoa bóp bấm huyệt. Các yếu tố như chi phí, cơ sở điều trị, hiệu quả điều trị và sự an toàn ảnh hưởng đến quyết định sử dụng các phương pháp Y học cổ truyền của sinh viên.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Minh. Đánh giá tác dụng giảm đau của phương pháp điện châm kết hợp đai hộp ngải cứu Việt trong điều trị đau vai gáy thể phong hàn. Tạp chí Y dược lâm sàng, 2018,13(1): 61-69.
- [2] Gao Y, Chen Z, Chen S, Wang S, Lin J. Risk factors for neck pain in college students: a systematic review and meta-analysis. BMC Public Health, 2023,1502(25).
- [3] Woo EHC, White P, Lai CWK. Musculoskeletal impact of the use of various types of electronic devices on university students in Hong Kong: An evaluation by means of self-reported questionnaire. Man Ther, 2016, 26: 47-53.
- [4] Lê Ngọc Sơn, Lê Thành Xuân, Nguyễn Thị Thu Hiền. Đánh giá tác dụng của điện châm, xoa bóp bấm huyệt kết hợp bài tập vận động của Nguyễn Văn Hưởng trong điều trị đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ. Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 523(1): 233-237.
- [5] Nguyễn Thị Tân. Đánh giá hiệu quả điều trị đau vai gáy bằng châm cứu, xoa bóp và thuốc thang. Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y Dược Huế, 2013, 14: 110-117.

- [6] Hoàng Văn Minh, Lưu Ngọc Hoạt. Phương pháp chọn mẫu và tính toán cỡ mẫu trong nghiên cứu khoa học sức khỏe. Hà Nội, 2020, trang 15,26.
- [7] Phạm Xuân Hiệp, Trần Thị Diệp và cộng sự. Tỷ lệ mắc hội chứng đau cổ vai gáy của sinh viên khoa kỹ thuật phục hồi chức năng tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Tạp chí Y học Việt Nam, 2024, 539(3): 380-384.
- [8] Kanaan SF, Almhdawi KA, Khader YS, Jain TK, Jaber AF, Almomani F. Predictors of neck disability among undergraduate students: A cross-sectional study. Work, 2022, 72(3): 1119-28.
- [9] Nguyễn Tuấn Linh, Trần Nhật Minh. Thực trạng đau vai gáy và đặc điểm chứng trạng chứng hậu theo y học cổ truyền của sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế. Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện Trung Ương Huế, 2023, (84): 70-9.